

Số: /KH-UBND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phát triển sản xuất đột phá ngành hàng tôm tỉnh Cà Mau năm 2025

Thực hiện chủ trương của Trung ương về mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8,5%, tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng “hai con số” giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình số 28/CTr-TU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 17/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong phát triển đột phá mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến và siêu thâm canh; phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển sản xuất đột phá ngành hàng tôm tỉnh Cà Mau năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Phát triển ngành tôm Cà Mau trở thành trung tâm nuôi tôm hiệu quả, bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất và toàn bộ chuỗi giá trị, tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Cà Mau, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp; đóng góp thiết thực vào tăng trưởng khu vực 1 (Ngư - Nông - Lâm) sáu tháng cuối năm đạt 7,1% (chỉ tiêu năm 2025 đạt 5,8%), góp phần tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 8,5% năm 2025 và đảm bảo tăng trưởng “hai con số” từ năm 2026 trở đi.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Duy trì diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến 198.000 ha, năng suất bình quân 450 kg/ha/năm; trong đó, có từ 100.000 ha đạt năng suất trung bình 550 kg/ha/năm trở lên.

- Duy trì, diện tích nuôi tôm siêu thâm canh 13.200 ha, năng suất bình quân dao động từ 20 - 21 tấn/ha/năm; trong đó, áp dụng quy trình sản xuất theo hướng tuần hoàn, không xả thải ra môi trường bên ngoài gây ô nhiễm môi trường từ 1.000 ha trở lên. Đồng thời, mở rộng diện tích nuôi siêu thâm canh tập trung và phân tán theo quy trình không xả thải từ 400 đến 500 ha.

- Xây dựng hợp tác xã, tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi, xây dựng chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng 100.000 ha nuôi tôm quảng canh cải tiến (loại năng suất

550kg/ha) và khoảng 1.000 ha diện tích nuôi siêu thâm canh. Qua đó, góp phần đạt tổng sản lượng tôm nuôi 587.000 tấn; giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 2,5 tỷ USD.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quán triệt, tuyên truyền vận động thực hiện kế hoạch:

1.1. Quán triệt trong nội bộ các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội:

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã phối hợp với ngành chức năng tỉnh tiếp tục quán triệt cho cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên các hội đoàn thể các cấp từ tỉnh đến cơ sở về mục đích, ý nghĩa của Chương trình số 28-CTr/TU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 17/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong phát triển đột phá mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến, siêu thâm canh và phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; qua đó yêu cầu cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp xã phải xác định việc thực hiện các Chương trình, Chỉ thị nêu trên và Kế hoạch phát triển đột phá ngành tôm là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài phải tập trung chỉ đạo thực hiện; yêu cầu cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên tùy theo vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tích cực đăng ký tham gia thực hiện kế hoạch với mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể theo kế hoạch của địa phương đăng ký.

1.2. Tuyên truyền đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân:

Ngành chức năng phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin về Kế hoạch phát triển sản xuất đột phá ngành tôm trên các phương tiện thông tin truyền thông của tỉnh, xã. Cấp ủy, chính quyền cấp xã chỉ đạo ngành chức năng phối hợp với các đoàn thể hướng dẫn Ban nhân dân khóm, ấp tổ chức họp dân, các hợp tác xã trên địa bàn đăng ký tham gia kế hoạch (*có sự tham gia của các doanh nghiệp đăng ký liên kết cung ứng đầu vào, tiêu thụ đầu ra*) để tuyên truyền, hướng dẫn tham gia thực hiện kế hoạch.

2. Tổ chức đăng ký tham gia thực hiện kế hoạch:

2.1. Đối với doanh nghiệp:

- Lựa chọn các doanh nghiệp đã đăng ký, có chất lượng sản phẩm tốt, có uy tín cao, có kinh nghiệm thực hiện liên kết chuỗi để tham gia thực hiện kế hoạch. Việc lựa chọn phải đảm bảo minh bạch, đúng tiêu chí và phù hợp với từng mô hình liên kết cụ thể.

- Làm việc với các doanh nghiệp được lựa chọn tham gia xây dựng các vùng nuôi tôm quảng canh cải tiến để thống nhất cách thức tham gia thực hiện liên kết (*về điều kiện hạ tầng cơ sở nuôi; về các chính sách hỗ trợ người dân như: Tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ xây dựng chứng nhận chất lượng, hỗ trợ giá sản phẩm; về việc tham gia vận động, thành lập và tổ chức hoạt động hợp tác xã; về số lượng doanh nghiệp tham gia trên cùng một vùng nuôi,...*).

- Làm việc với các doanh nghiệp được lựa chọn tham gia liên kết chuỗi với các hợp tác xã nuôi tôm siêu thâm canh để thống nhất cách thức thực hiện liên kết.

- Làm việc với các doanh nghiệp đăng ký đầu tư nuôi tôm siêu thâm canh tập trung để giới thiệu về điều kiện đất đai của các vùng nuôi; thảo luận thống nhất cách thức thực hiện đầu tư.

2.2. Đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác và người nuôi tôm:

- Trên cơ sở 433 vùng nuôi tôm quảng canh cải tiến đã đăng ký, thống nhất xác định phạm vi cụ thể của từng vùng nuôi để tổ chức hợp dân, tuyên truyền vận động đăng ký tham gia thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức cuộc họp, mời các hộ nuôi tôm siêu thâm canh trên địa bàn để tuyên truyền, hướng dẫn và vận động các hộ nuôi tôm siêu thâm canh (*đủ điều kiện*) tham gia thực hiện kế hoạch.

3. Về tổ chức sản xuất:

- Tổ chức sản xuất theo “*chuỗi giá trị ngành tôm*”. Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi giá trị ngành tôm cho phù hợp với từng địa phương và phù hợp với từng mô hình sản xuất cụ thể (*mô hình tôm - lúa; mô hình nuôi tôm STC, TC; mô hình nuôi QCCT và QCKH*). Doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ và các HTX/THT đóng vai trò hạt nhân liên kết và tổ chức chuỗi sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; hướng dẫn tổ hợp tác, nông dân và các doanh nghiệp tiếp cận được những chính sách, nguồn vốn ưu đãi để đầu tư liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo quy định.

- Xây dựng hiệu quả mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị từ cơ sở cung cấp đầu vào, nuôi tôm, thu mua nguyên liệu, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đáp ứng được yêu cầu chất lượng, ATTP, góp phần giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng tính cạnh tranh tại thị trường trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh việc liên kết và tổ chức sản xuất theo mô hình HTX/THT nhằm khắc phục được các hạn chế do ảnh hưởng của tập quán sản xuất nhỏ lẻ. Duy trì, nâng cao năng lực quản lý và tổ chức sản xuất của Tổ hợp tác, Hợp tác xã hiện có, nhất là việc cung cấp dịch vụ đầu vào, tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên.

- Tổ chức liên kết giữa các hộ dân nuôi tôm với doanh nghiệp cung ứng con giống, vật tư sản xuất, với các doanh nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm sẽ mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định, hiệu quả và nâng cao giá trị.

- Tiếp tục thực hiện đăng ký đối tượng nuôi chủ lực theo Luật Thủy sản 2017 để phục vụ việc thực hiện truy xuất nguồn gốc.

4. Giải pháp về công trình:

4.1. Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật:

Tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng ngành tôm theo hướng đồng bộ và hiện đại, phù hợp quy hoạch, chương trình, đề án lĩnh vực thủy sản và quy định của Luật Thủy sản. Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (*thủy lợi, giao thông, lưới điện, ...*) phục vụ cho phát triển ngành tôm, nhất là các vùng nuôi tôm STC, TC, và vùng sản xuất giống tập trung. Đầu tư xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ nuôi tôm QCCT và QCKH; xây dựng hệ thống thủy lợi đầu mối cấp I (*cống, đê bao, kè, kênh cấp, kênh tiêu nước, trạm bơm*), đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, khu xử lý nước thải,...

4.2. Hướng dẫn hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định yêu cầu về hạ tầng cơ sở nuôi siêu thâm canh theo từng quy trình cụ thể để giới thiệu, hướng dẫn cho người nuôi tôm lựa chọn áp dụng; rà soát quy trình nuôi, yêu cầu hạ tầng cơ sở nuôi quảng canh cải tiến (*nuôi tôm 02 giai đoạn*) theo từng vùng nuôi (*tôm - rừng, tôm - lúa, chuyên tôm*) để hướng dẫn người nuôi thực hiện; hướng dẫn người dân về điều kiện tiếp cận tín dụng để đầu tư sửa chữa, nâng cấp hạ tầng cơ sở nuôi tôm đáp ứng yêu cầu áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi.

- Chính quyền cấp xã phối hợp cùng ngành chức năng, các doanh nghiệp liên kết kiểm tra, hướng dẫn người dân hoàn thiện hạ tầng cơ sở nuôi.

5. Giải pháp phi công trình:

5.1. Về sản xuất tôm giống:

- Tiếp tục nghiên cứu, làm chủ được quy trình công nghệ gia hóa, chọn giống và sản xuất giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo hướng tăng trưởng nhanh, sạch bệnh, thích nghi với các điều kiện môi trường. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu hoặc liên kết với các đơn vị nghiên cứu để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

- Bố trí nguồn lực và kinh phí để thực hiện kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống tôm theo hướng dẫn của Luật Thủy sản. Tăng cường quản lý chất lượng giống, định kỳ kiểm dịch tôm giống và tôm bố mẹ để kịp thời xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm.

5.2. Về nuôi tôm thương phẩm:

- Khuyến khích ứng dụng các quy trình nuôi tiên tiến vào sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Chú trọng đến các quy trình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, nuôi khép kín trong nhà kính, mô hình nuôi tôm - lúa hữu cơ; công nghệ nuôi sạch, công nghệ nuôi ít sử dụng nước, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Các tổ chức, cá nhân nuôi tôm thương phẩm thực hiện các điều kiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành; thực hiện các quy trình nuôi trồng thủy sản tốt để đạt các chứng nhận tiêu chuẩn (*ASC, MSC, CoC, GlobalGAP, BMP, VietGAP, ...*) để đáp ứng nhu cầu về chất lượng ngày càng cao của thị trường. Vận động các doanh nghiệp, huy động các nguồn vốn hợp pháp để đảm bảo kinh phí phục vụ chi phí chứng nhận.

5.3. Về quản lý môi trường và phòng chống dịch bệnh:

- Cơ sở nuôi tôm khi thả giống phải đảm bảo đúng lịch thời vụ của ngành chức năng khuyến cáo hàng năm, việc lấy nước vào ao nuôi và xả nước thải phải phù hợp với lịch điều tiết nước của khu vực và quy định của pháp luật. Các chất thải trong nuôi tôm phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Hỗ trợ nghiên cứu, áp dụng công nghệ xử lý nước thải nuôi tôm bằng phương pháp ao sinh học, phương pháp xử lý kết hợp giữa phương pháp sinh học và hầm biogas, ứng dụng công nghệ biofloc (*hoặc semi-biofloc*) để xử lý nước tại nguồn, sử dụng máy ép phân tôm,...

- Tăng cường năng lực giám sát, dự báo, cảnh báo, ứng phó dịch bệnh, nhất là đối với các dịch bệnh nguy hiểm trên tôm; tổ chức xây dựng bản đồ dịch tễ và ứng dụng để kiểm soát dịch bệnh nguy hiểm trên tôm.

- Tuyên truyền, tập huấn, giáo dục nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân tham gia trong chuỗi giá trị ngành tôm về công tác phòng, chống dịch bệnh và các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi tôm.

- Hình thành các tổ giám sát cộng đồng trong nuôi tôm hoặc tổ tự quản của các cơ sở nuôi tôm trong công tác bảo vệ môi trường, có sự điều phối và tham gia của chính quyền cơ sở (*xã, ấp*), của Hội Nông dân, Hợp tác xã.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường, phòng chống dịch bệnh thủy sản hàng năm.

5.4. Về khoa học công nghệ và khuyến ngư:

- *Về khoa học công nghệ*: Ứng dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ 4.0 trong quản lý và sản xuất toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất tôm nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước tham gia nghiên cứu, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp của các nước có trình độ công nghệ phát triển, để tiếp cận và nhận chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ chế biến sâu, các sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao để góp phần phát triển ngành tôm mang lại hiệu quả và bền vững.

- *Về công tác khuyến ngư*: Nâng cao năng lực hoạt động khuyến ngư các cấp; xây dựng các mô hình nuôi hiệu quả để chuyển giao công nghệ về các phương pháp nuôi tiên tiến cho dân phát triển nuôi tôm. Các cơ quan quản lý chuyên ngành cần tổ chức hội thảo đánh giá, tổng kết các mô hình sản xuất thành công trong thực tiễn, các mô hình sản xuất tôm áp dụng công nghệ mới mang lại hiệu quả kinh tế cao, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu để tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng.

5.5. Xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng liên kết chuỗi:

- Rà soát, nâng cấp, mở rộng phạm vi bao phủ của hợp tác xã, tổ hợp tác các vùng nuôi tôm quảng canh cải tiến; vận động các hộ nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng các quy trình công nghệ, tham gia chuỗi liên kết để thành lập hợp tác xã (*không tính theo phạm vi địa giới hành chính*). Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa

phương cấp xã trực tiếp tham gia Ban vận động, tham gia thành viên hợp tác xã để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo quá trình vận động, thành lập và tổ chức hoạt động của hợp tác xã trong sản xuất, liên kết sau này. Bổ sung nhiệm vụ thành lập mới, củng cố hoạt động hợp tác xã đang có vào Đề án phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2025 - 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 10/12/2024. Tổ chức hướng dẫn nội dung, các bước thành lập và tổ chức hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Rà soát, thống nhất xác định các nội dung cần liên kết; cách thức thực hiện từng nội dung liên kết đối với từng loại hình nuôi (*quảng canh cải tiến, siêu thâm canh*); nội dung liên kết cần có nhiều doanh nghiệp cùng tham gia thực hiện liên kết, nội dung cần một doanh nghiệp tham gia, qua đó xây dựng hợp đồng mẫu để hướng dẫn các địa phương thực hiện.

5.6. Tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ:

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật, cập nhật quy trình nuôi tôm tiên tiến cho đội ngũ làm công tác khuyến nông và cán bộ làm công tác quản lý; tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức và người dân nuôi tôm; hỗ trợ xây dựng các mô hình nuôi theo công nghệ mới để các tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận ứng dụng vào sản xuất.

- Thống nhất nội dung tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đối với từng quy trình nuôi; đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện quy trình nuôi tôm quảng canh cải tiến (*theo từng vùng*) để tập huấn cho người nuôi tôm; xây dựng clip hướng dẫn kỹ thuật các quy trình nuôi để phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, mạng xã hội.

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho người nuôi tôm của từng hợp tác xã; trong đó tập huấn cả quy trình và tổ chức thảo luận, cập nhật kiến thức kỹ thuật theo từng công đoạn của quy trình nuôi (*tập huấn tại hiện trường*).

(Chi tiết các nhiệm vụ theo Phụ lục đính kèm)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước; kinh phí lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển khoa học và công nghệ, các chương trình, đề án, dự án có liên quan và các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục danh mục nhiệm vụ kèm theo Kế hoạch này khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, có hiệu quả, kết quả thực hiện.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành tỉnh, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế

hoạch này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm và đột xuất khi có yêu cầu; đồng thời, đề xuất các biện pháp cần thiết đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, củng cố, thành lập mới hợp tác xã để làm đầu mối thực hiện liên kết sản xuất; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ và thành viên hợp tác xã, ưu tiên cho các hợp tác xã thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngành hàng tôm.

4. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người nuôi tôm ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả và tham gia liên kết sản xuất; hỗ trợ hội viên thực hiện có hiệu quả liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ngành hàng tôm và thực hiện tốt các hợp đồng liên kết đã được ký kết.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15 triển khai các chính sách hỗ trợ đối với phát triển ngành hàng tôm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chỉ đạo và kiểm tra các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất để phát triển sản xuất đúng theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề chưa phù hợp cần điều chỉnh, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý (*Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 114/KH-UBND tỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục IV;
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, QTr01. D.M07/7

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sử